TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19/02/2020
(Về việc tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Kim Oanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Vững**, bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Búp** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong 19/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2020, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Dương Thị S**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: **Đào Văn N**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

(Chị S, anh N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Dương Thị S trình bày:* Tôi và anh Đào Văn N chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Thời gian sau này, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cải vả lẫn nhau làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng căng thẳng. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Nhật H, sinh ngày 18/5/2002 và Đào Thái H1, sinh ngày 10/9/2005, hiện đang sống chung với vợ chồng tôi. Tôi đồng ý giao cho anh N trực tiếp nuôi 02 con chung, tôi không cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ: Không có.

- *Bị đơn Đào Văn N trình bày:* Tôi và chị Dương Thị S chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau này, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và cải vả lẫn nhau, do chị S không còn yêu thương anh, không tìm được tiếng nói chung. Nay, chị S yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Nhật H, sinh ngày 18/5/2002 và Đào Thái H1, sinh ngày 10/9/2005, hiện đang sống chung với tôi. Tôi yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con tên Nhật H và Thái H1, không yêu cầu Dương Thị S cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị S và anh N thừa nhận được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, nhưng do chưa am hiểu pháp luật và cuộc sống mưu sinh nên không đăng ký kết hôn theo quy định. Khi về chung sống, thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thì thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cải vã lẫn nhau, làm cho cuộc sống lâm vào tình trạng căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, anh chị đồng ý thuận tình ly hôn nhưng do chị S và anh N không đăng ký kết hôn nên vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1….

2.Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị S và anh N là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Quan hệ nuôi con: Chị S và anh N có 02 con chung tên Đào Nhật H, sinh ngày 18/5/2002 và Đào Thái H1, sinh ngày 10/9/2005.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Nhật H, Thái H1 có nguyện vọng ở với anh N và anh N có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị S cũng đồng ý giao con cho anh Ng nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh N được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản: Chị S, anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ nợ: Chị S, anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- ***Quan hệ hôn nhân:*** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị S và anh Đào Văn N.

- ***Quan hệ nuôi con:*** Giao cho anh Ng được quyền nuôi 02 con chung tên Đào Nhật H, sinh ngày 18/5/2002 và Đào Thái H1, sinh ngày 10/9/2005. Anh N không yêu cầu chị Sáng cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

- ***Về án phí:*** Chị Dương Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0006957 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; Chị S đã nộp đủ án phí.

- ***Quyền kháng cáo:*** Chị S, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;
-VKSND huyện Tháp Mười;
-Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đinh Kim Oanh